

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐẶNG CÔNG NHẬT THUẬN

**BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ
DẪN ĐỊA LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆP ĐỊNH THƯƠNG
MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU (EVFTA)**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1.Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2.Tình hình nghiên cứu của đề tài	2
3.Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
6.Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu	5
7.Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	6
8.Bố cục của luận văn.....	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ TỔNG QUAN VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU	7
1.1.Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý	7
1.1.1.Khái niệm chỉ dẫn địa lý.....	7
1.1.1.1.Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật quốc tế	7
1.1.1.2.Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật của Liên minh Châu Âu	7
1.1.1.3.Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam.....	8
1.1.2. Khái niệm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.....	8
1.1.3.Đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	9
1.1.4.Phân biệt bảo hộ chỉ dẫn địa lý với tên gọi xuất xứ hàng hóa	9
1.1.5.Vai trò của bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với sự phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế.....	10
1.2.Khung pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	11
1.2.1.Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	11
1.2.2.Khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	11
1.2.3.Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	12
1.3.Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)	12
1.3.1.Khái quát về chương sở hữu trí tuệ và các cam kết về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA.....	12
1.3.1.1.Khái quát về Chương sở hữu trí tuệ trong Hiệp định EVFTA.....	12
1.3.1.2.Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA	12
1.3.2.Các yêu cầu của Hiệp định EVFTA đối với pháp luật Việt Nam.....	13
1.3.3.Vai trò của EVFTA trong vấn đề bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam.....	13
Kết luận chương1	14
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆP ĐỊNH EVFTA	15
2.1.Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA	15

2.1.1.Thực trạng pháp luật về đăng ký chỉ dẫn địa lý	15
2.1.2.Thực trạng pháp luật về quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý	15
2.1.3.Thực trạng pháp luật về bảo vệ chỉ dẫn địa lý	17
2.1.4.Đánh giá tính tương thích của các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý so với các cam kết Hiệp định EVFTA.....	17
2.1.4.1.Những quy định pháp luật Việt Nam hoàn toàn tương thích với cam kết của EVFTA.....	18
2.1.4.2.Những quy định pháp luật Việt Nam tương thích một phần với cam kết của EVFTA.....	18
2.1.4.3.Những quy định pháp luật Việt Nam hoàn toàn chưa tương thích với cam kết của EVFTA	18
2.2.Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA	18
2.2.1.Thực tiễn xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	19
2.2.2.Thực tiễn quản lý, khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	19
2.2.3.Thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	20
Kết luận chương2	21
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆP ĐỊNH EVFTA.....	22
3.1.Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA	22
3.2.Giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA	22
3.2.1.Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA	22
3.2.1.1.Nhóm giải pháp chung.....	22
3.2.1.2.Nhóm giải pháp cụ thể.....	23
3.2.2.Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trên thực tế đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA..	23
3.2.2.1.Nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.....	23
3.2.2.2.Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý, khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.....	23
3.2.2.3.Nhóm giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.....	24
Kết luận chương 3	24
PHẦN KẾT LUẬN	25
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	25

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, Sở hữu trí tuệ (SHTT) đóng vai trò ngày càng quan trọng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong thời kỳ kinh tế thị trường. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia về SHTT luôn là một trong những hoạt động quan trọng của cơ quan quản lý nhà nước về SHTT nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, chặt chẽ và minh bạch cho sự phát triển toàn diện của hệ thống pháp luật SHTT ở Việt Nam. Chiến lược SHTT quốc gia mà Chính phủ đã giao cho Bộ Khoa học-Công nghệ xây dựng đặt ra mục tiêu cụ thể: *“Đến năm 2030, đưa hệ thống SHTT trở thành công cụ chủ lực thúc đẩy hoạt động sáng tạo, nhằm tạo ra tài sản trí tuệ của Việt Nam, góp phần đáp ứng nhu cầu đối với sản phẩm mới và sáng tạo. Bên cạnh đó, sẽ nâng cấp hệ thống xác lập quyền SHTT, trong đó chủ yếu là quyền SHCN thành hệ thống dịch vụ hành chính công hiện đại và thân thiện với người sử dụng”*.

Nhờ thế mạnh về điều kiện tự nhiên và truyền thống sản xuất nông nghiệp từ lâu đời mà nước ta có những tiềm năng rất lớn về các đặc sản vùng miền, những sản phẩm mang CDĐL đặc trưng mà không nơi nào có được. Khi những đặc sản vùng miền này trở thành những hàng hóa được lưu thông trên thị trường thì có thể mang lại lợi ích kinh tế-xã hội rất lớn. Tuy nhiên để có thể khai thác tối đa giá trị thì cần phải có sự tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL là một trong những yếu tố đóng vai trò then chốt.

Tháng 12/2015, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA) đã hoàn tất đàm phán và dự kiến sẽ chính thức có hiệu lực trong năm 2018. Đây là một trong những Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới lớn nhất của Việt Nam. Với phạm vi cam kết rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại hoặc có liên quan đến thương mại, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống pháp lý về quyền SHTT của Việt Nam nói chung và quyền SHCN đối với CDĐL nói riêng đã dần được hoàn thiện, phần nào bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, cơ chế thực thi quyền SHCN đối với CDĐL hiện hành vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Bên cạnh đó, những năm qua có nhiều CDĐL được coi là “nổi tiếng” của Việt Nam bị “đánh cắp” ở nước ngoài, điển hình như cà phê Buôn Ma Thuột, nước mắm Phú Quốc. Thực trạng này xuất phát từ cơ chế bảo hộ của nước ta đối với CDĐL còn chưa thực sự chặt chẽ trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Hơn thế nữa, trong bối cảnh thực thi hiệp định EVFTA, rất nhiều khả năng sẽ phát sinh những điểm không đồng nhất trong quy định pháp luật Việt Nam so với các cam kết của Hiệp định. Do đó, cần thiết phải

có sự phân tích, rà soát pháp luật Việt Nam với những cam kết trong EVFTA về SHTT, cụ thể là về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL để xác định rõ các nội dung khác biệt, các quy định chưa hợp lý và từ đó có sự điều chỉnh các quy định pháp luật để bảo đảm tuân thủ các cam kết của EVFTA. Chính điều này sẽ góp phần tận dụng những tiềm năng sẵn có nhằm nâng cao giá trị, tăng tính cạnh tranh của các đặc sản vùng miền, hạn chế tối đa các rủi ro về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp xuất khẩu, từ đó giúp hạn chế các tranh chấp liên quan đến bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL và góp phần nâng cao vị thế của các sản phẩm mang CDĐL của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Với lý do đó, tác giả chọn đề tài “***Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)***” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Việc bảo hộ quyền SHTT nói chung và quyền SHCN nói riêng là vấn đề hết sức quan trọng và đã dành được những sự quan tâm nhất định. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL vẫn còn tồn tại những điểm chưa hợp lý, chưa đáp ứng được những nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Từ khi Luật SHTT được sửa đổi năm 2009 đến nay, ở nước ta đã có không ít những nghiên cứu về bảo hộ CDĐL như:

- Khóa luận tốt nghiệp, Trường đại học Luật TP.Hồ Chí Minh về “*Bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho hàng nông sản theo pháp luật Việt Nam - So sánh với pháp luật Liên minh châu Âu*” của Đặng Thị Hương Giang năm 2013;

- Sách chuyên khảo “*Xây dựng và phát triển thương hiệu chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam*” của tác giả Vũ Tuấn Hưng năm 2015;

- Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội về “*Xung đột trong việc bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với những dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý*” của Mai Thị Thùy Linh năm 2016;

- Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội về “*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam*” của Phạm Thị Mỹ Dung năm 2016;

- Bài viết của Nguyễn Văn Thịnh về “*Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam*” trong tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ kế hoạch và Đầu tư, số 06, năm 2016;

- Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, Trường đại học Luật-ĐH Huế về “*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý qua thực tiễn thi hành tại tỉnh Nghệ An*” của Trần Quang Hùng năm 2017.

Nhìn chung, những bài viết, công trình nghiên cứu kể trên đã đưa ra những phân tích, đánh giá từ tổng quan đến cụ thể; từ lý luận pháp luật cho đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật trên phạm vi cả nước và ở một số địa phương cụ thể về vấn đề bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL.

Đồng thời, các tác giả cũng có sự so sánh, đối chiếu các quy định pháp luật Việt Nam với pháp luật một số nước châu Âu về bảo hộ CDDL. Qua đó, nhiều hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo hộ CDDL đã được các nhà nghiên cứu phát hiện, đào sâu phân tích nhằm mục đích đưa ra những giải pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam trong thời kì hội nhập.

Trong thời gian Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU được đàm phán kí kết, một số tác giả cũng có những phân tích, đưa ra những dự đoán, thể hiện ở các bài viết, công trình nghiên cứu như:

- “*Bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Liên minh châu Âu và cơ hội cho Việt Nam*” của Phạm Thị Hiền và Chu Thị Thanh An trong tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, số 12, năm 2015;

- “*Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU về sở hữu trí tuệ*” của Nguyễn Thị Thu Trang, Trung tâm WTO và Hội nhập-Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2016.

Mặc dù đã có những nghiên cứu, rà soát về các quy định của pháp luật SHTT Việt Nam so với các cam kết trong Hiệp định EVFTA nhưng những phân tích, giải pháp các tác giả đưa ra vẫn chưa cụ thể, chưa chỉ ra đầy đủ các rào cản pháp lý, cũng như chưa thể giải quyết triệt để nhu cầu cấp thiết về hoàn thiện pháp luật liên quan đến bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL trong bối cảnh hội nhập.

Thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU là một vấn đề khó và các cam kết của hiệp định hiện vẫn chưa được áp dụng rộng rãi trên thực tế. Vì thế, trong bài nghiên cứu này, tác giả có tham khảo, học hỏi và sử dụng những bài viết, tư liệu, công trình nghiên cứu của các tác giả, các nhà khoa học đi trước để củng cố cho các luận điểm khoa học và làm cơ sở để đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này.

Trong luận văn này, tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề chưa được khai thác, nghiên cứu ở những công trình trước để có thể đưa ra những định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA. Vì vậy, có thể nói đề tài: “***Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)***” là đề tài nghiên cứu có tính mới và cấp thiết.

3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để nghiên cứu các vấn đề nêu ra trong đề tài và giải quyết các vấn đề này, phép biện chứng duy vật của triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được sử dụng với tư cách là phương pháp luận cho việc nghiên cứu.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả chủ yếu vận dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết để thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu đã có và bằng các thao tác tư duy logic để rút ra kết luận khoa học cần thiết, trong đó:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về quy định của pháp luật SHTT về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL, sau đó tổng hợp, liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý luận mới đầy đủ và sâu sắc về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL. Bên cạnh đó, với việc sử dụng phương pháp này, luận văn chỉ ra một số điểm chưa hợp lý, thiếu thống nhất trong các quy định về bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn của pháp luật Việt Nam so với các cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

- Phương pháp lịch sử được áp dụng trong việc nghiên cứu bằng cách đi tìm nguồn gốc phát sinh, quá trình phát triển của việc bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý trong từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước từ đó rút ra bản chất, tính phù hợp, vai trò và ý nghĩa của các quy định.

- Phương pháp giả thiết cũng được sử dụng để đưa ra các dự đoán về tiềm năng, nhu cầu phát triển của bảo hộ CDĐL dựa trên cơ sở điều kiện kinh tế xã hội và các chính sách, định hướng phát triển Nhà nước về bảo hộ CDĐL trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và thực thi Hiệp định EVFTA nói riêng. Từ đó, tác giả có cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL trong thời gian tới.

- Ngoài ra, những phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế, xã hội với từng vấn đề của đề tài cũng được vận dụng như: so sánh, thống kê, đối chiếu, diễn giải, quy nạp... để nghiên cứu về thực trạng pháp luật về bảo hộ CDĐL của Việt Nam và tham khảo các quy định pháp luật về bảo hộ CDĐL của các nước thuộc Liên minh châu Âu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quan điểm, quy định về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL theo pháp luật SHTT Việt Nam và các cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU; thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ CDĐL tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Từ khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU bắt đầu được các bên đàm phán năm 2012 đến nay

- Về không gian: Tập trung nghiên cứu, rà soát về cơ chế bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL của pháp luật SHTT Việt Nam và cam kết tại Điều 6, Hiệp định EVFTA.

- Về địa bàn: Trên phạm vi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu là nhằm góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật SHTT Việt Nam về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về CDDL trong bối cảnh thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn làm rõ và giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

1) Nguyên cứu những vấn đề lý luận về CDDL và tổng quan về Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

2) Làm rõ các quy định về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL của pháp luật Việt Nam và các cam kết trong Hiệp định EVFTA.

3) Đánh giá thực trạng áp dụng các quy định về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL tại Việt Nam và thực tiễn thực hiện trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA.

4) Đề xuất định hướng và giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA trong thời gian tới.

6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

6.1. Câu hỏi nghiên cứu

Các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý có tồn tại những bất cập, chưa hợp lý hay không?

Khi Hiệp định EVFTA được thi hành, Việt Nam sẽ có những thuận lợi, khó khăn nào khi bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý?

Khi Hiệp định EVFTA được thi hành, các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý có hoàn toàn tương thích với các cam kết của hiệp định hay chưa?

Cần có những giải pháp nào để góp phần hoàn thiện pháp luật SHTT về bảo hộ chỉ dẫn địa lý để đáp ứng yêu cầu về thực thi hiệp định EVFTA?

6.2. Giả thuyết nghiên cứu

Với những quy định còn chưa thống nhất, khi Hiệp định EVFTA được thi hành, Việt Nam sẽ gặp phải nhiều khó khăn trong việc bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý.

EU là một thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, đặc biệt là nông sản, đặc sản vùng miền. Tuy nhiên, đây cũng là thị trường có các quy định pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý khắt khe. Cho nên, để đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định EVFTA thì trước hết phải rà soát, phân tích và đưa ra các giải pháp kịp thời để hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Đây là đề tài có tính mới và có tính cấp thiết khi Hiệp định EVFTA sẽ có hiệu lực thi hành trong năm 2018.

Những điểm mới của luận văn được thể hiện ở những điểm sau:

- Luận văn nghiên cứu một cách toàn diện về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL trong bối cảnh thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

- Dựa vào việc rà soát các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL với các cam kết trong Hiệp định EVFTA để chỉ ra những điểm chưa thống nhất và rút ra những thuận lợi, khó khăn trong vấn đề thực thi hiệp định.

- Dựa vào việc phân tích, đánh giá thực trạng về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL, luận văn chỉ ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL nhằm phát huy những lợi thế và hạn chế rủi ro khi thực hiện các cam kết của Hiệp định EVFTA về chỉ dẫn địa lý.

Nếu kịp thời hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL theo hướng đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định EVFTA thì sẽ mang lại rất nhiều lợi thế về mặt pháp lý cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường Châu Âu.

8. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý và tổng quan về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU.

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ TỔNG QUAN VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU

1.1. Khái quát về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

1.1.1. Khái niệm chỉ dẫn địa lý

1.1.1.1. Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật quốc tế

Chỉ dẫn địa lý là một khái niệm có ý nghĩa quốc tế. Ngày nay, mọi quốc gia trên thế giới đều cho rằng các nông sản hoặc sản phẩm truyền thống của họ gắn liền với các yếu tố văn hóa và ẩm thực, được coi như là biểu tượng lịch sử của quốc gia hoặc cộng đồng. Bên cạnh đó, sự khác biệt về truyền thống và lịch sử cũng chính là một phần của ước vọng phát triển kinh tế. Chính vì vậy, CDDL đã khẳng định được vị trí của mình trong quá trình toàn cầu hóa những đặc điểm khác biệt—kết quả của sự đa dạng văn hóa ở các nước trên thế giới.

Dưới góc độ pháp lý, đến năm 1994, khái niệm "chỉ dẫn địa lý" mới chính thức được đưa ra tại Điều 22.1 của Hiệp định bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS) trên cơ sở "chỉ dẫn nguồn gốc" và "tên gọi xuất xứ hàng hóa" đã được đề cập đến trong Công ước Paris năm 1883 và Thỏa ước Madrid năm 1891, theo đó chỉ dẫn địa lý được định nghĩa giống như "*một loại hàng hóa xuất xứ từ lãnh thổ của một thành viên, hay một khu vực hoặc địa điểm trong khu vực đó, và chính xuất xứ địa lý quy định chất lượng, danh tiếng hay đặc trưng khác của sản phẩm*". Khái niệm trên cho thấy ba yếu tố quan trọng liên quan đến CDDL: chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý; hàng hóa sử dụng chỉ dẫn địa lý phải bắt nguồn từ lãnh thổ hoặc từ khu vực, địa phương thuộc lãnh thổ đó; hàng hóa có chất lượng, danh tiếng hoặc đặc tính nhờ xuất xứ địa lý mang lại.

1.1.1.2. Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật của Liên minh Châu Âu

Ngày 14 tháng 07 năm 1992, Cộng đồng châu Âu đã ra quy định chung về Tên gọi Xuất xứ trên lãnh thổ các nước EU, bao gồm hai khái niệm: Tên gọi xuất xứ có bảo hộ (AOP) và chỉ dẫn địa lý có bảo hộ (IGP). Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ để chỉ tên một vùng, một khu vực nhất định hoặc một quốc gia mô tả một sản phẩm được khởi nguồn tại vùng đó, khu vực đó, quốc gia đó và sản phẩm này có chất lượng hoặc danh tiếng có thể là do môi trường địa lý với những đặc tính vốn có và/hoặc sự kết hợp yếu tố con người tạo nên.

CDDL là một loại quyền sở hữu trí tuệ, gồm các từ ngữ (thường là tên địa danh) được dùng để chỉ chất lượng, uy tín và các đặc trưng khác của sản phẩm gắn với nguồn gốc địa lý của chúng. Theo quy định của EU, rượu vang,

rượu mạnh, nông sản và thực phẩm, và sản phẩm thủ công mỹ nghệ (ở một số nước), thực sự có nguồn gốc từ một vùng lãnh thổ nhất định, đều có thể được công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

1.1.1.3. Khái niệm chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam

Ở Việt Nam chỉ dẫn địa lý được quy định lần đầu tiên tại khoản 1 và khoản 2 điều 10 Nghị định 54/2000/CP-NĐ ngày 03 tháng 10 năm 2000, theo đó, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hoá đáp ứng đủ hai điều kiện, đó là:

- Thể hiện dưới dạng một từ ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc hình ảnh, dùng để chỉ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia;

- Thể hiện trên hàng hoá, bao bì hàng hoá hay giấy tờ giao dịch liên quan tới việc mua bán hàng hoá nhằm chỉ dẫn rằng hàng hoá nói trên có nguồn gốc tại quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hoá này có được chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.

Bên cạnh đó, nếu chỉ dẫn địa lý là tên gọi xuất xứ hàng hoá thì việc bảo hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 đã bỏ thuật ngữ tên gọi xuất xứ hàng hoá thống nhất chỉ sử dụng thuật ngữ chỉ dẫn địa lý, cụ thể tại khoản 4, Điều 22 Luật SHTT 2005, sửa đổi năm 2009: “*Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể*”. Xuất phát từ đặc trưng của chỉ dẫn địa lý là để chỉ dẫn nguồn gốc của hàng hoá nên dấu hiệu trong chỉ dẫn địa lý phải được nhận biết bằng thị giác (từ ngữ, hình ảnh biểu tượng).

1.1.2. Khái niệm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Việc bảo hộ CDĐL đã được ghi nhận trong Công ước Paris năm 1983, tại Điều 1 đoạn 2 quy định: “*Sở hữu công nghiệp phải được hiểu theo nghĩa rộng nhất, không những chỉ áp dụng cho công nghiệp và thương mại theo đúng nghĩa của chúng mà cho các các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp khai thác và tất cả các sản phẩm chế biến hoặc sản phẩm tự nhiên như rượu vang, ngũ cốc, thuốc lá, hoa quả, gia súc, khoáng sản, nước khoáng, bia, hoa và bột*”.

Hiệp định TRIPs yêu cầu tất cả các thành viên của WTO thiết lập những điều luật cơ bản (không xác định) quy định vấn đề bảo vệ của các CDĐL. Hiệp định này cũng đã thiết lập các tiêu chuẩn để quy định về bảo hộ và thực thi sở hữu trí tuệ quốc tế, xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu đối với chỉ dẫn địa lý. Từ đây, bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã được thừa nhận trên phạm vi quốc tế.

Theo pháp luật Việt Nam, quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh (Khoản 4, Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi năm 2009). Bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL là việc Nhà nước, các chủ thể khai thác và sử dụng CDĐL, các cơ quan chức năng thông qua hệ thống pháp luật tiến hành các hoạt động liên quan đến việc xác lập, khai thác, quản lý và bảo vệ các chủ thể chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL.

1.1.3. Đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

CDĐL cũng mang những đặc điểm chung, chẳng hạn như: tính vô hình, tính hạn chế về không gian giống với những đối tượng khác của quyền SHCN. Bên cạnh những đặc điểm chung đó, quyền SHCN đối với CDĐL vẫn mang một số nét riêng biệt như:

Thứ nhất, chủ thể có quyền sử dụng không đồng thời là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, việc bảo hộ tại nước xuất xứ là điều cốt lõi, là nền tảng cho việc tồn tại và bảo hộ các CDĐL tại các quốc gia khác.

Thứ ba, chỉ dẫn địa lý không bị giới hạn thời hạn bảo hộ nếu đối tượng bảo hộ là chỉ dẫn địa lý vẫn đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định.

Thứ tư, quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng và không được chuyển giao.

1.1.4. Phân biệt chỉ dẫn địa lý với tên gọi xuất xứ hàng hoá

Thuật ngữ “xuất xứ hàng hoá” cũng xuất hiện lần đầu tiên trong công ước Paris. Đến năm 1958, khi hiệp định Lisbon về bảo hộ và đăng ký quốc tế tên gọi xuất xứ hàng hoá ra đời mới đưa ra khái niệm về tên gọi xuất xứ hàng hoá. Điều 2 của hiệp định nêu rõ “*Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên địa lý của nước, khu vực hoặc vùng lãnh thổ dùng để chỉ dẫn cho sản phẩm bắt nguồn từ khu vực đó, có chất lượng hoặc những tính chất đặc thù riêng biệt xuất phát từ môi trường địa lý, bao gồm yếu tố tự nhiên và con người*”.

Tên gọi xuất xứ hàng hoá lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam vào năm 1989 trong Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, và được đưa vào điều 786 Bộ luật dân sự 1995: “*Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên địa lý của nước, địa phương dùng để chỉ xuất xứ của hàng hoá từ nước, địa phương đó với điều kiện mặt hàng này có tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên các điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt, bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố đó*”. Từ khi nghị định 54/2000/CP-NĐ được ban hành và có hiệu lực, khái niệm chỉ dẫn địa lý cũng được sử dụng. Trong giai đoạn này, chỉ dẫn địa lý có thể là tên gọi xuất xứ hàng hoá mà cũng có thể không. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995, tên gọi xuất xứ muốn được bảo hộ thì phải đăng kí còn theo Nghị định 54 chỉ dẫn địa lý không cần phải đăng

kí. Có thể thấy trong giai đoạn này các quy định của pháp luật không thống nhất gây nên sự khó phân biệt hai thuật ngữ chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá.

- Theo pháp luật châu Âu:

Có thể thấy rằng sự khác nhau giữa tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý có thể nảy sinh từ mối liên hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ, nguồn nguyên liệu hoặc khu vực sản xuất. Rõ ràng rằng sự gắn kết về mặt địa lý của tên gọi xuất xứ là mạnh hơn so với chỉ dẫn địa lý, nhưng điều đó không có nghĩa là chất lượng của sản phẩm mang tên gọi xuất xứ tốt hơn hoặc kém hơn so với chất lượng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Cả hai hình thức này đều được dùng để bảo hộ các sản phẩm có chất lượng khác biệt do nguồn gốc địa lý mang lại. Minh chứng cho điều này là EU đã trao quyền bảo hộ giống nhau cho cả tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý nếu được bảo hộ.

- Theo pháp luật Việt Nam:

Nếu chỉ dẫn địa lý chỉ là tên gọi (địa danh) và uy tín, danh tiếng của sản phẩm đạt đến mức đặc thù gắn liền với vùng địa lý đó thì chỉ dẫn như vậy được gọi là "Tên gọi xuất xứ hàng hoá". Như vậy, một tên gọi xuất xứ hàng hóa là một chỉ dẫn địa lý nhưng một chỉ dẫn địa lý chưa chắc là một tên gọi xuất xứ hàng hóa.

Tên gọi xuất xứ khác chỉ dẫn địa lý ở mức độ quan hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc lãnh thổ. Nếu như tên gọi xuất xứ chỉ những sản phẩm có mối liên hệ chặt chẽ, khách quan với địa phương mà nó mang tên; và chất lượng hoặc đặc tính của sản phẩm có được là nhờ vào các yếu tố về địa lý của địa phương đó), thì đối với chỉ dẫn địa lý, mối quan hệ giữa sản phẩm và địa phương giảm nhẹ hơn. Chỉ cần một công đoạn của quá trình sản xuất diễn ra ở một khu vực địa lý nhất định, ví dụ nguyên liệu sản xuất có thể được nhập từ một nơi khác. Vì thế, tên gọi xuất xứ có thể được hiểu là một dạng đặc biệt của chỉ dẫn địa lý.

1.1.5. Vai trò của bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong sự phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế

Thứ nhất, chỉ dẫn địa lý được xem là một nhân tố quan trọng góp phần trong bình ổn chất lượng và danh tiếng của các sản phẩm.

Thứ hai, chỉ dẫn địa lý là động lực góp phần cải thiện nền nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

Thứ ba, bảo hộ chỉ dẫn địa lý giúp đảm bảo quyền và lợi ích cho người sản xuất và tiêu dùng.

Thứ tư, bảo hộ CDĐL giúp gia tăng lợi thế, sức cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro cho các loại hàng hóa xuất khẩu.

Thứ năm, bảo hộ CDĐL là cách thức hữu hiệu góp phần đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế nông thôn và hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Khung pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Đề quyền SHTT nói chung và quyền SHCN đối với CDĐL nói riêng “sống được trên thực tế” thì phải đảm bảo đầy đủ ba yếu tố: xác lập quyền, khai thác quyền và bảo vệ quyền. Ba yếu tố này luôn có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau.

1.2.1. Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Xuất phát từ những tính chất đặc thù, riêng có của từng đối tượng SHCN, pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới đều ghi nhận hai nguyên tắc xác lập quyền cơ bản, đó là: (i) xác lập quyền theo nguyên tắc đăng ký bảo hộ tại cơ quan có thẩm quyền và (ii) xác lập quyền theo nguyên tắc tự động khi đáp ứng các điều kiện nhất định. Trong bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL, nguyên tắc đăng ký bảo hộ thường được áp dụng bởi vì đối tượng này có tính chất và nội dung phức tạp, điều kiện bảo hộ khắt khe; việc đánh giá, xem xét khả năng đáp ứng các điều kiện bảo hộ cũng không đơn giản, đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu và một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đầy đủ. Đề quyền SHCN đối với CDĐL được xác lập, chủ sở hữu các đối tượng này phải tiến hành thủ tục đăng ký với một cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cơ quan này có trách nhiệm xem xét đơn đăng ký theo trình tự, thủ tục và đánh giá đối tượng yêu cầu bảo hộ theo những tiêu chuẩn do pháp luật quy định. Nếu đối tượng đáp ứng các điều kiện theo quy định thì sẽ được cấp văn bằng bảo hộ.

- *Theo nghĩa khách quan*: đăng ký xác lập quyền được hiểu là các thủ tục pháp lý mà các chủ thể phải tiến hành nhằm chính thức ghi nhận sự bảo hộ từ phía Nhà nước đối với quyền sở hữu của mình.

- *Theo nghĩa chủ quan*: đăng ký xác lập quyền là hành vi của các chủ thể thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nhằm đạt được sự công nhận từ phía Nhà nước về các quyền sở hữu của họ đối với đối tượng SHCN và hệ quả sau là sự bảo hộ của nhà nước đối với đối tượng đó.

1.2.2. Khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Để có thể phát huy hết những lợi thế mà chỉ dẫn địa lý mang lại, việc sử dụng chỉ dẫn địa lý trên thực tế không chỉ đơn thuần là sử dụng, gắn các chỉ dẫn trong kinh doanh, mà việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó còn nhằm phát triển hơn nữa danh tiếng, chất lượng sản phẩm thông qua hoạt động của các chủ thể liên quan. Việc khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý không chỉ là việc xây dựng và phát triển thương hiệu của một doanh nghiệp hay một tổ chức mà đó là sự phát triển ngành hàng, phát triển thương hiệu cho cả một địa phương và cả quốc gia. Chính vì vậy, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý mang tính chất của một hoạt động tập thể.

Các tài sản SHTT thông thường có thể được khai thác theo nhiều cách thức khác nhau thông qua việc sử dụng, chuyển nhượng hay chuyển giao để

thu về các lợi ích. Thế nhưng, việc khai thác quyền SHCN đối với CDDL có phần đặc thù và hạn chế hơn so với các đối tượng SHCN khác. Hiện nay, theo quy định pháp luật của nhiều quốc gia, các chủ thể quyền chỉ có thể sử dụng đối với CDDL chứ không có quyền chuyển giao.

1.2.3. Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Pháp luật của các nước thường quy định cụ thể về các hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL và các biện pháp để bảo vệ CDDL trước những hành vi xâm phạm đó. Quyền SHCN đối với CDDL có thể do chủ thể quyền tự bảo vệ bằng những biện pháp nhất định hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ.

- Các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp để tự bảo vệ như: (i) áp dụng công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm; (ii) yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm; (iii) yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý hành vi xâm phạm; (iv) khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Các biện pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng bao gồm: (i) biện pháp dân sự; (ii) biện pháp hành chính; (iii) biện pháp hình sự; (iv) biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu.

1.3. Khái quát về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)

1.3.1. Khái quát về chương sở hữu trí tuệ và các cam kết về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA

1.3.1.1. Khái quát về Chương sở hữu trí tuệ trong Hiệp định EVFTA

Trong EVFTA, chế định về Sở hữu trí tuệ được quy định tập trung trong Chương 12 với 40 trang, 31 điều. Đây là một chương lớn của EVFTA với nhiều cam kết tập trung vào 03 nhóm, bao gồm: (i) các vấn đề chung; (ii) các tiêu chuẩn bảo hộ đối với từng đối tượng quyền SHTT cụ thể; (iii) các biện pháp thực thi quyền SHTT. Mục tiêu của chương này là tạo điều kiện cho sự sáng tạo, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm tân tiến và sáng tạo giữa các bên tham gia góp cho một nền kinh tế bền vững hơn và toàn diện cho các bên, đồng thời đạt được một mức độ đầy đủ và có hiệu quả của việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Từ góc độ nội dung, các cam kết trong Chương này có thể phân thành các nhóm sau:

Nhóm 1: Các cam kết về các nguyên tắc chung trong bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ của EVFTA

Nhóm 2: Các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ đối với từng loại đối tượng sở hữu trí tuệ cụ thể

Nhóm 3: Các cam kết về tố tụng dân sự thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Nhóm 4: Các cam kết về biện pháp thực thi quyền SHTT tại biên giới

1.3.1.2. Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA

Về chỉ dẫn địa lý, Việt Nam và EU sẽ bảo hộ các CDDL của nhau dựa trên danh sách liệt kê cụ thể, trong đó các CDDL của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm. EU cam kết sẽ tạo khung pháp lý hoàn chỉnh để thúc đẩy các sản phẩm nhập khẩu có chất lượng từ Việt Nam.

Xét về đối tượng bảo hộ, các cam kết về CDDL trong EVFTA chỉ áp dụng đối với 04 nhóm sản phẩm gồm: rượu vang, đồ uống có cồn, nông sản và thực phẩm. Có thể thấy 04 nhóm này cũng bao quát gần như phần lớn các sản phẩm có thể là đối tượng của CDDL.

Xét về cơ chế bảo hộ, tuy không đề cập trực tiếp nhưng EVFTA yêu cầu việc bảo hộ CDDL theo cơ chế riêng, độc lập với nhãn hiệu thông qua cam kết về quy trình công nhận CDDL.

1.3.2. Các yêu cầu của Hiệp định EVFTA đối với pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Có thể nhận thấy EVFTA đặt ra các yêu cầu tổng quan đối với pháp luật Việt Nam như sau:

- Yêu cầu hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý:

EU dường như không đòi hỏi quá nhiều các tiêu chuẩn TRIPS+ trong EVFTA với Việt Nam. Một số ít các nội dung chưa tương thích chỉ mang tính quy định chi tiết, đơn lẻ, ở các vấn đề cụ thể. Với nguyên tắc không phân biệt đối xử trong TRIPS, Việt Nam chỉ cần điều chỉnh pháp luật chung về SHTT để thực thi các cam kết này. Nói cách khác, Việt Nam phải khắc phục những điểm hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL; đồng thời có những rà soát và điều chỉnh kịp thời để hướng đến sự tương đồng của các quy định pháp luật nội địa so với các cam kết của Hiệp định về bảo hộ CDDL.

- Yêu cầu thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý:

Thực thi hiệu quả quyền SHTT nói chung và quyền SHCN đối với CDDL nói riêng là vấn đề được cả hai bên cùng quan tâm. Vì vậy, Hiệp định EVFTA đặt ra thêm một số yêu cầu về thực thi dân sự và kiểm soát biên giới so với Hiệp định TRIPS, nhằm tăng cường tính hiệu quả của hoạt động thực thi quyền.

EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU phải có cơ chế pháp lý cho phép ngăn chặn việc sản xuất, đóng gói, mua bán, quảng cáo sai, lừa đảo hoặc gây hiểu nhầm về nguồn gốc của thực phẩm. Đồng thời, Hiệp định cũng nhấn mạnh các sản phẩm mang CDDL được bảo hộ phải tuân thủ các yêu cầu về chất lượng liên quan theo pháp luật nước sở tại.

1.3.3. Vai trò của EVFTA trong vấn đề bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Thứ nhất, tạo ra một làn sóng cải cách thể chế mới mang tính tích cực.

Thứ hai, góp phần tăng mức độ bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL.

Thứ ba, tăng cường hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT nói chung và quyền SHCN đối với CDĐL nói riêng.

Kết luận chương 1

Trong chương này, tác giả vừa khái quát lý luận chung về CDĐL và bảo hộ CDĐL thông qua việc phân tích các khái niệm, đặc điểm, vai trò, khung pháp luật về bảo hộ CDĐL; vừa khái quát các vấn đề về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) thông qua việc phân tích sơ lược nội dung Chương 12 của Hiệp định EVFTA; các yêu cầu của EVFTA đối với pháp luật Việt Nam và đánh giá tổng quan vai trò của Hiệp định này trong việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Từ đó, làm cơ sở lý luận để nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật tại Việt Nam để đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA trong chương 2 của luận văn này.

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA

2.1.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký chỉ dẫn địa lý

Theo quy định pháp luật Việt Nam, CDĐL là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước, cho nên quyền đăng ký và sử dụng CDĐL thuộc về Nhà nước (Điều 88 Luật SHTT năm 2005, sửa đổi năm 2009). Tuy nhiên, Nhà nước không trực tiếp thực hiện các quyền này và trao quyền cho: (i) Các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL; (ii) Tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc (iii) Cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có CDĐL thực hiện. Điều này đồng nghĩa với việc người thực hiện quyền đăng ký CDĐL không đương nhiên trở thành chủ sở hữu CDĐL. Đối với CDĐL có nguồn gốc từ nước ngoài, chủ thể có quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ tại Việt Nam là các tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký hoặc tổ chức cá nhân có quyền sử dụng CDĐL tại nước xuất xứ. Bên cạnh Luật Sở hữu trí tuệ, quy định về thủ tục đăng ký bảo hộ CDĐL ở Việt Nam được quy định tại Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật SHTT liên quan đến SHCN, sau đó được hướng dẫn thi hành bởi Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007. Sau đó, Thông tư này được sửa đổi, bổ sung đến bốn lần bởi Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN; Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN; Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN. Tất cả những Thông tư này hiện tại vẫn đang còn hiệu lực pháp luật. Nội dung của các Thông tư này đã đơn giản hóa rất nhiều về thủ tục hành chính. Tuy nhiên, việc sửa đổi liên tục và quy định rải rác ở nhiều văn bản như vậy đã gây ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả áp dụng và thực thi pháp luật của các chủ thể quyền và cả các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền.

2.1.2. Thực trạng pháp luật về quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý

Tổ chức được trao quyền quản lý CDĐL có quyền cho phép người khác sử dụng CDĐL đó theo quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc tổ chức được trao quyền quản lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDĐL đó theo quy định pháp luật hiện hành. Trên cơ sở những quyền được pháp luật cho phép, người sử dụng CDĐL có quyền ngăn cấm việc sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với CDĐL được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang CDĐL đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó, cũng như sử dụng CDĐL được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản

phẩm mang CDĐL được bảo hộ với mục đích lợi dụng uy tín để thu lợi nhuận không chính đáng.

Có thể đánh giá, nếu việc đăng ký bảo hộ là một hoạt động nhằm tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể trong việc sử dụng CDĐL thì hoạt động quản lý và kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang CDĐL là khâu quan trọng nhằm duy trì và đảm bảo chất lượng chất lượng, đặc tính sản phẩm, đồng thời giúp cho quy trình sản xuất được thực hiện đúng như quy định đã đăng ký. Hoạt động quản lý CDĐL diễn ra không chỉ ở khâu sản xuất, từ nguồn nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất mà còn diễn ra sau sản xuất ở khâu phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động này càng phải được chú trọng khi sản phẩm mang CDĐL vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Việc quản lý CDĐL thường diễn ra ở ba cấp độ: tự quản lý, quản lý nội bộ và quản lý ngoại vi. Ở Việt Nam, do tính chất đặc thù của CDĐL là thuộc sở hữu nhà nước nhưng quá trình sản xuất sản phẩm mang CDĐL lại được tiến hành trong phạm vi vùng địa lý tương ứng, nên việc quản lý các CDĐL của nước ta thường được trao cho cơ quan địa phương có thẩm quyền. Kinh nghiệm ở các quốc gia cho thấy hiệu quả việc quản lý CDĐL phụ thuộc rất nhiều vào sự phối hợp giữa quản lý nhà nước (quản lý ngoại vi) và quản lý của tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh ở địa phương (quản lý nội bộ), trong đó vai trò của tổ chức tập thể đóng vai trò quyết định. Hiện nay, Việt Nam chưa có quy định cụ thể về chủ thể cũng như nội dung quản lý đối với các CDĐL của Việt Nam. Chính vì lý do này mà mỗi CDĐL lại được quản lý theo một hướng khác nhau.

Chính vì CDĐL thuộc quyền sở hữu của Nhà nước nên chủ thể này có thể trực tiếp thực hiện quyền quản lý thông qua các cơ quan chức năng như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ... hoặc trao quyền quản lý CDĐL cho các tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL như là: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực Trung ương nơi có vùng địa lý tương ứng với CDĐL hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh xác định và trao quyền quản lý.

Về các quyền khai thác, sử dụng đối với CDĐL, Hiệp định TRIPs không quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng CDĐL. Trên thực tế tại một số nước trên thế giới hiện nay, đối với những nước bảo hộ CDĐL dưới hình thức nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, việc sử dụng nhãn hiệu phải tuân theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu và do chủ sở hữu nhãn hiệu kiểm soát. Đối với những nước bảo hộ CDĐL dưới hình thức đăng ký (các nước thuộc EU), quyền và nghĩa vụ của người đó có quyền sử dụng CDĐL và pháp luật Việt Nam cũng áp dụng tương tự như vậy. Nội dung quyền SHCN đối với CDĐL được thể hiện ở các quyền cơ bản sau: quyền sử dụng CDĐL; quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDĐL; và quyền yêu cầu xử lý vi phạm. Song song với các quyền được hưởng, tổ chức và cá nhân có

quyền sử dụng CDDL cũng có các nghĩa vụ của mình, đó là họ phải bảo đảm chất lượng, uy tín, danh tiếng của hàng hóa mang CDDL và không ngừng xây dựng và phát triển để sản phẩm khẳng định giá trị của mình trong mắt người tiêu dùng.

2.1.3. Thực trạng pháp luật về bảo vệ chỉ dẫn địa lý

Theo quy định tại Điều 9 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi năm 2009, tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền SHTT của mình. Căn cứ vào Điều 198 của luật này, các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp khác nhau để tự bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp của mình, như là: (i)Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (ii)Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; (iii)Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (iv)Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên, về mặt lý thuyết CDDL là tài sản của nhà nước, quyền sở hữu CDDL thuộc về nhà nước, vì thế, việc bảo vệ CDDL không chỉ được thực hiện bởi các chủ thể là cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng CDDL mà còn được thực hiện bởi chính các cơ quan nhà nước. Việc bảo vệ CDDL có thể xuất phát từ nhiều chủ thể, cơ quan chức năng nhằm đảm bảo lợi ích của cả động đồng và xã hội. Theo đó, tùy thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm, việc bảo vệ CDDL có thể được thực hiện thông qua các biện pháp sau:

Một là, biện pháp dân sự

Hai là, biện pháp hành chính

Ba là, biện pháp hình sự

Bốn là, biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu

2.1.4.Đánh giá tính tương thích của các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý so với các cam kết Hiệp định EVFTA

Về đánh giá chung , pháp luật Việt Nam đã tương thích với đa số các cam kết trong EVFTA về Sở hữu trí tuệ, trong tất cả các nhóm cam kết, từ nguyên tắc chung tới các tiêu chuẩn bảo hộ quyền cũng như thực thi quyền. Các quy định pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam hầu như đã tương thích toàn bộ hoặc tương thích một phần với các cam kết của EVFTA. Tuy nhiên, do nhu cầu của EU và Việt Nam trong bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ chỉ dẫn địa lý là không giống nhau, thêm vào đó EU cũng là một thị trường khắt khe trong vấn đề xuất xứ và chất lượng hàng

hóa nên không thể tránh khỏi những điểm mà pháp luật Việt Nam chưa hoàn toàn tương thích hoặc chưa được điều chỉnh.

2.1.4.1. Những quy định pháp luật Việt Nam hoàn toàn tương thích với cam kết của EVFTA

Về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, các cam kết trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam hoàn toàn tương thích gồm có:

Một là, các cam kết về hệ thống đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Hai là, cam kết về mối quan hệ với nhãn hiệu.

Ba là, các quy tắc chung.

2.1.4.2. Những quy định pháp luật Việt Nam tương thích một phần với cam kết của EVFTA

Trong so sánh với nhóm các cam kết về Sở hữu trí tuệ trong Chương 12 EVFTA mà pháp luật Việt Nam đã tương thích, các cam kết có nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích có số lượng ít hơn, chủ yếu là các trường hợp chưa tương thích một phần, bao gồm:

Một là, về bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Điều 6.5, Chương 12 Hiệp định EVFTA): Các biện pháp bảo hộ đặc thù đối với các sản phẩm chỉ dẫn địa lý nằm trong Phụ lục GI-I-A của EU (trong đó có việc cấm không sử dụng các thuật ngữ “kiểu”, “dạng”, “loại”... đi kèm CDDL đã bảo hộ cho sản phẩm khác).

Hai là, về quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (Điều 6.6, Chương 12 Hiệp định EVFTA): Cam kết đảm bảo sử dụng chỉ dẫn địa lý vô thời hạn, không phải đăng ký lại.

Ba là, về thực thi việc bảo hộ (Điều 6.8, Chương 12 Hiệp định EVFTA): Cam kết thực thi các biện pháp hành chính thích hợp phù hợp với pháp luật nội địa để ngăn chặn việc sản xuất, đóng gói, bán, nhập khẩu, quảng cáo... loại thực phẩm gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của thực phẩm đó.

2.1.4.3. Những quy định pháp luật Việt Nam hoàn toàn chưa tương thích với cam kết của EVFTA

Khi rà soát các cam kết EVFTA về bảo hộ CDDL so với pháp luật Việt Nam, có một cam kết hoàn toàn chưa tương thích là cam kết về công nhận tự động các CDDL của EU trong Phụ lục GI-I. Đây là một cam kết mang đặc thù rất riêng của EU (không trùng với bất kỳ đối tác hay chủ thể nào khác). Điều 6.3, Chương 12 Hiệp định EVFTA quy định về việc công nhận các chỉ dẫn địa lý của EU (171 chỉ dẫn địa lý liệt kê trong Phụ lục GI-I Phần A). Như vậy các CDDL của EU trong Phụ lục GI-I đã được công nhận đương nhiên được hưởng các bảo hộ theo Điều 6 này của Hiệp định.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA

Cơ chế hiện hành về bảo hộ quyền SHTT nói chung và quyền SHCN đối với CDDL nói riêng của chúng ta vẫn còn một số hạn chế, bất cập như:

Thứ nhất, còn tồn tại một số quy định pháp luật chưa hợp lý về thực thi quyền SHTT;

Thứ hai, thiếu các quy định rõ ràng, cụ thể bảo đảm xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT;

Thứ ba, các biện pháp và chế tài hiện hành chưa có giá trị cao trong xử lý, ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, CDĐL trở thành một trong những nội dung quan trọng trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải có những thích ứng mạnh mẽ cả về chính sách bảo hộ, thực thi quyền đối với chỉ dẫn địa lý cũng như khai thác, phát huy giá trị của chỉ dẫn địa lý trên thực tế.

2.2.1. Thực tiễn xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Là một quốc gia có thế mạnh về nền nông nghiệp truyền thống, Việt Nam có nhiều sản phẩm có chất lượng, danh tiếng, tính chất đặc thù và có giá trị kinh tế cao gắn với các địa danh cụ thể. Để phát triển những sản phẩm đặc sản gắn với địa danh, trong những năm qua, Việt Nam đã xây dựng được một hành lang pháp lý và có những biện pháp hữu hiệu nhằm hỗ trợ cho các địa phương trong việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản ở trong nước.

Sau gần 13 năm thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, có thể kể đến những khó khăn nổi bật nhất hiện nay trong hoạt động xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý là:

Thứ nhất, vấn đề thẩm định hồ sơ xin đăng ký CDĐL.

Thứ hai, các quy định hướng dẫn về xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý tương đối đầy đủ nhưng chưa cụ thể.

2.2.2. Thực tiễn quản lý, khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Ở Việt Nam, việc khai thác các giá trị của CDĐL phụ thuộc vào các quyền sau:

- **Quyền sở hữu**: Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là Nhà nước.
- **Quyền quản lý**: Nhà nước trực tiếp thực hiện quyền quản lý CDĐL hoặc trao quyền quản lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL.
- **Quyền sử dụng**: Nhà nước trao quyền sử dụng CDĐL cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang CDĐL tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường.

Nhìn vào thực tế hiện nay, có thể đánh giá nhu cầu sử dụng dấu hiệu CDĐL của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, điều này xuất phát từ:

- Sản xuất nông sản và các mặt hàng mang CDĐL vẫn còn ở quy mô nhỏ theo phương thức truyền thống, chưa hình thành các chuỗi cung ứng khép kín;

- Thương mại theo tiêu chuẩn đặt hàng của đối tác;

- Chỉ dẫn địa lý chưa trở thành dấu hiệu thương mại phổ biến;

- Sản phẩm được bảo hộ chưa phù hợp;

- Chỉ dẫn địa lý vẫn chưa thực sự trở thành dấu hiệu nhận diện trên thị trường.

Tuy nhiên hoạt động quản lý về CDĐL ở các địa phương vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

Thứ nhất, hạn chế về hoạt động giám sát, nhận diện và kiểm soát chất lượng.

Thứ hai, chưa có sự thống nhất trong việc ban hành quy định ở các cấp độ quản lý.

Thứ ba, mô hình tổ chức quản lý về chỉ dẫn địa lý còn chưa đồng nhất.

Thứ tư, hạn chế về năng lực, vai trò của các tổ chức tập thể.

2.2.3. Thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Theo số liệu thống kê từ năm 2012 đến nay, số liệu xử lý xâm phạm quyền SHCN đối với CDĐL là thấp hơn nhiều so với các đối tượng SHCN khác. Năm 2012, không có xâm phạm CDĐL nào được xử lý. Vào các năm 2013, 2014, mỗi năm có 2 vụ việc được xử lý. Tuy nhiên, đến 2015 các cơ quan có thẩm quyền đã xử lý đến 20 trường hợp xâm phạm với số tiền phạt gần 49 triệu đồng. Năm 2016, giảm xuống chỉ có 2 trường hợp bị xử lý với số tiền phạt tổng cộng là 36 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

Căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành, các cơ quan nhà nước có thể lựa chọn áp dụng một hoặc một số các biện pháp (hành chính, dân sự, hình sự, kiểm soát tại biên giới) đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDĐL. Tương ứng với các biện pháp đó, chủ thể quyền có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan tiến hành các thủ tục pháp lý khác. Theo đó, lực lượng đầu tiên có thẩm quyền xử phạt các vụ vi phạm quyền SHCN là thanh tra khoa học và công nghệ, những cán bộ ít nhiều tiếp xúc với khoa học và công nghệ nói chung và về SHCN nói riêng. Đây chính là lực lượng nòng cốt trong việc xử phạt các hành vi vi phạm về quyền SHCN đối với CDĐL tại địa phương. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý thị trường là một trong những lực lượng được giao nhiệm vụ thực thi quyền SHCN đối với CDĐL. Lực lượng quản lý thị trường có chức năng kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường và được quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hàng hóa xâm phạm quyền đối với CDĐL. Như vậy, chức năng, vai trò của lực lượng quản lý thị trường trong việc bảo hộ SHCN được quy định rất rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. Nhiệm vụ “chống hàng giả mạo về SHTT” của lực lượng quản lý thị trường chính là

nhiệm vụ chống các hành vi xâm phạm quyền SHCN. Đồng thời, nếu cơ quan thanh tra chuyên môn về khoa học và công nghệ, quản lý thị trường, cảnh sát kinh tế, UBND có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính đối với các hành vi vi phạm về SHCN xảy ra trong lĩnh vực nội địa thì hải quan là cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính đối với các vi phạm, xâm phạm về SHTT nói chung và SHCN nói riêng xảy ra ở biên giới. Thực thi bảo hộ quyền SHTT tại biên giới, thực chất là việc cơ quan hải quan ngăn chặn, không cho phép thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu vi phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo CDĐL nói riêng và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Cuối cùng phải kể đến vai trò không kém phần quan trọng của Tòa án ở các cấp, khi xét xử các vụ án hành chính liên quan đến quyền SHCN hoặc buộc bên có hành vi vi phạm phải chấm dứt các hành vi vi phạm hoặc xác định trách nhiệm BTTH trong các vụ án dân sự. Tuy nhiên, một thực tế đang diễn ra hiện nay là sự phối hợp giữa các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong vấn đề bảo vệ quyền SHCN đối với CDĐL vẫn còn hạn chế. Chính nguyên nhân này đã làm giảm đi hiệu quả thực thi các quy định pháp luật về bảo hộ CDĐL trên thực tế.

Kết luận chương 2

Về vấn đề đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA, pháp luật Việt Nam hiện hành về cơ bản đã tương thích với đa số các cam kết trong Hiệp định về bảo hộ CDĐL. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam về bảo hộ CDĐL vẫn đang còn tồn tại không ít hạn chế, bên cạnh đó, vẫn còn một số quy định chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực thi đề ra của Hiệp định. Chính vì thế, trong chương này, tác giả chủ yếu nghiên cứu, phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA. Qua đó, có thể đưa ra những nhận định, cũng như tìm ra những hạn chế, thiếu thống nhất trong các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành. Từ đó có định hướng và đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA tại chương thứ 3 của luận văn.

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA

Xuất phát từ yêu cầu của EVFTA, nếu muốn tận dụng lợi thế hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực có thể xảy ra thì việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam cần dựa trên những định hướng sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, đảm bảo sự phối hợp giữa Nhà nước và các cá nhân, tổ chức có liên quan nhằm khai thác chỉ dẫn địa lý một cách hiệu quả.

Thứ ba, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia.

Thứ tư, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA

3.2.1.1. Nhóm giải pháp chung

Để có thể hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành một cách toàn diện và hiệu quả nhất, Nhà nước cần triển khai thực hiện đồng thời các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, cần khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong các quy định pháp luật nói chung và quyền SHCN đối với CDĐL nói riêng.

Thứ hai, gấp rút tiến hành công tác rà soát từ các văn bản quy phạm pháp luật cho tới chính sách để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm phù hợp với các yêu cầu đề ra trong cam kết của Hiệp định EVFTA.

Thứ ba, kịp thời điều chỉnh, ban hành các chính sách và quy định mới để đáp ứng tối đa yêu cầu của Hiệp định, cũng như phù hợp với nhu cầu sự phát triển trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Đối với những cam kết của EVFTA mà pháp luật Việt Nam đã tương thích toàn bộ:

Về mặt lý luận, các nguyên tắc này được xem là không đòi hỏi Việt Nam phải sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật. Thế nhưng, trên thực tế, kết luận cuối cùng về vấn đề này chỉ có thể đưa ra sau khi thực hiện việc rà soát

cam kết của CPTPP về các nội dung liên quan cũng như so sánh mức độ đối xử của các cam kết CPTPP và EVFTA về cùng một nội dung.

- Đối với những cam kết của EVFTA mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc hoàn toàn chưa tương thích:

Đối với các cam kết trong EVFTA về bảo hộ CDĐL mà pháp luật Việt Nam hiện có khác biệt hoặc chưa tương thích, giải pháp duy nhất là sửa pháp luật chung của Việt Nam để đảm bảo tuân thủ, thực thi EVFTA. Việc sửa nên được tiến hành trực tiếp với Luật Sở hữu trí tuệ thay vì các văn bản hướng dẫn thi hành để tránh hiện tượng văn bản hướng dẫn quy định quá xa so với quy định của Luật.

3.2.1.2.Nhóm giải pháp cụ thể

Một là, quy định áp dụng trực tiếp khoản 1 Điều 6.5, liên quan tới việc cấm sử dụng các thuật ngữ “kiểu”, “dạng”, “loại”, “học theo” đi kèm với chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm khác ngoài sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong Phụ lục GI-I.

Hai là, sửa đổi Điều 92 Luật SHTT để bỏ quy định về việc nêu “*tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý*” trong Văn bằng bảo hộ cho phù hợp với cam kết trong EVFTA cũng như phù hợp với bản chất của Văn bằng bảo hộ.

Ba là, cân nhắc quy định hướng dẫn về việc xử lý các trường hợp trùng, gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý.

Bốn là, sửa đổi Điều 14 Nghị định 99/2013/NĐ-CP để bổ sung thêm biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi quảng cáo sản phẩm mang chỉ dẫn gây nhầm lẫn về xuất xứ.

3.2.2.Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trên thực tế đáp ứng yêu cầu của Hiệp định EVFTA

3.2.2.1.Nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Một là, về công tác thẩm định hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Hai là, quy định về quy trình xây dựng hồ sơ, các bước tiến hành xác lập quyền cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Ba là, phát hiện và hỗ trợ của Nhà nước trong việc tạo môi trường thuận lợi cho việc đăng ký bảo hộ các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Bốn là, nhận thức của các chủ thể có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, cũng như các cơ quan quản lý nhà nước nơi có CDĐL về vai trò, ý nghĩa của việc đăng ký bảo hộ CDĐL.

3.2.2.2.Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý, khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Một là, khắc phục hạn chế trong hoạt động giám sát, nhận diện và kiểm soát chất lượng.

Hai là, thống nhất trong việc ban hành quy định ở các cấp độ quản lý.

Ba là, đồng nhất mô hình tổ chức quản lý về chỉ dẫn địa lý và xây dựng mô hình tổ chức quản lý phù hợp với đặc trưng và điều kiện của sản phẩm.

Bốn là, về vai trò và năng lực chuyên môn của các tổ chức tập thể.

Năm là, đảm bảo sự phối hợp giữa doanh nghiệp (quản lý tự động), hiệp hội ngành hàng (kiểm soát trong) và cơ quan quản lý địa phương (kiểm soát ngoài) để quản lý hiệu sản phẩm đã được đăng bạ và bảo hộ.

3.2.2.3. Nhóm giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Một là, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể thực hiện quyền tự bảo vệ

Hai là, tăng cường hơn nữa các biện pháp thực thi dân sự và kiểm soát tại biên giới.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh.

Bốn là, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền từ khâu quản lý sản xuất, quản lý thị trường, quản lý xuất nhập khẩu.

Kết luận chương 3

Trong chương thứ ba này, bên cạnh việc đưa ra những định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý nhằm đáp ứng yêu cầu Hiệp định EVFTA; tác giả đã đề xuất những nhóm giải pháp chung và giải pháp cụ thể trong việc sửa đổi các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành để phù hợp hơn với các cam kết của EVFTA; cùng với đó là các nhóm giải pháp toàn diện ở cả ba lĩnh vực xác lập quyền, khai thác quản lý quyền và bảo vệ quyền nhằm tăng khả năng thực thi pháp luật bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL trên thực tế.

PHẦN KẾT LUẬN

Bảo hộ chỉ dẫn địa lý là việc Nhà nước, các cơ quan chức năng và các chủ thể, thông qua hệ thống pháp luật tiến hành các hoạt động liên quan đến việc xác lập, khai thác, quản lý và bảo vệ các chủ thể chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL. Trong nền kinh tế thị trường, các quy định pháp luật về bảo hộ CDĐL là các chuẩn mực để tiến hành hoạt động khai thác thương mại. Đây được xem là một công cụ để nâng cao tính cạnh tranh của hàng hóa, phát triển uy tín của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường và bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Chỉ dẫn địa lý đã ngày càng khẳng định được giá trị và dường như đang trở thành xu hướng tiêu dùng ở Việt Nam và trên thế giới. Với tiềm năng rất lớn về số lượng các sản phẩm có thể gắn CDĐL và quan điểm của Nhà nước về phát triển bền vững hoạt động bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL, hoạt động bảo hộ CDĐL của Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức to lớn của thời kỳ hội nhập, với thị trường ngày càng mở rộng, cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt trong bối cảnh tham gia vào các Hiệp định tự do thể hệ mới như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU (EVFTA) hay Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), đòi hỏi Việt Nam phải có những điều chỉnh, những bước hoàn thiện cả về chính sách, quy định pháp luật và công tác thực thi cho phù hợp. Đặc biệt, trong bối cảnh thực thi các cam kết của Hiệp định EVFTA, khi một bên của Hiệp định là EU-một thị trường lớn tiềm năng nhưng rất khắt khe về vấn đề bảo hộ CDĐL, nước ta phải có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng và toàn diện để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đề ra của Hiệp định. Để thực hiện được mục tiêu đó, Việt Nam cần phải nhanh chóng khắc phục những hạn chế còn tồn tại của pháp luật nội địa về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL; rà soát tính tương thích của các quy định pháp luật về nội dung so với các cam kết của Hiệp định để có hướng sửa đổi phù hợp; và cần có những bước điều chỉnh trong công tác thực thi quyền để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo hộ CDĐL trên thực tế. Để phát huy được hiệu quả tối đa, những giải pháp này phải được thực hiện đồng bộ từ Chính phủ, các cơ quan quản lý, tổ chức tập thể và các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm mang CDĐL.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO